

**THÔNG TIN TRIỂN KHAI GÓI THẦU XÂY LẮP
HỆ THỐNG GIAO THÔNG, THOÁT NƯỚC MƯA, THOÁT NƯỚC THẢI
ĐƯỜNG H VÀ ĐƯỜNG F**

1. Tên công trình : Hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 3 Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở cán bộ - giảng viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
2. Tên hạng mục : Hệ thống giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cây xanh vỉa hè đường H và đường F.
3. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD Khu nhà ở cán bộ, giảng viên ĐHQG-HCM.
4. Đơn vị tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ và Thiết bị Công nghiệp
5. Đơn vị tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Kiểm Định Công Trình Xây Dựng Quang Huy
6. Địa điểm : Phường Phú Hữu – Quận 9 – TP.HCM
7. Tổng giá trị dự toán hạng mục công trình là: **43.042.010.000 đồng**
(Bằng chữ : Bốn mươi ba tỷ, không trăm bốn hai triệu, mười ngàn đồng)

Trong đó:

1). Chi phí xây dựng	36.505.225.776
2). Chi phí quản lý dự án	398.783.086
3). Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.005.441.531
4). Chi phí khác	1.219.649.410
5). Chi phí dự phòng	3.912.909.980
Cộng (1)+(2)+(3)+(4)+(5)	43.042.009.782
Làm tròn	43.042.010.000

8. **Nguồn vốn: Huy động từ người góp vốn tham gia dự án.**
9. **Tên gói thầu: Gói thầu xây lắp hệ thống giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải đường H và đường F**
10. **Đơn vị tư vấn lựa chọn nhà thầu: Chi nhánh phía nam của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng công trình Văn hóa Đô thị**
11. **Giá trị gói thầu xây lắp: 33.489.198.000 đồng**
12. **Đơn vị trúng thầu: Liên danh Công ty Cổ phần Sài Gòn Xây dựng và Công ty TNHH TMDV Vận tải xây dựng Giao thông T&T**
13. **Giá trị hợp đồng: 33.452.438.357 đồng, nhà thầu tự ứng vốn thi công trong thời gian thời gian thi công**
14. **Thời gian thi công: 130 ngày (kể cả thứ bảy, chủ nhật, không tính ngày nghỉ lễ, tết theo quy định), tính từ ngày phát lệnh khởi công là ngày 02/02/2016**
15. **Đơn vị tư vấn giám sát thi công: Công ty TNHH Tư vấn giám sát và Quản lý dự án Hoàng Thịnh**
16. **Quy mô xây dựng và các thông số kỹ thuật chủ yếu của gói thầu xây lắp hệ thống giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải đường H và đường F:**
17. **Hạng mục đường giao thông:**
18. **Cấp hạng đường:**
 - Loại đường phố: hạ tầng kỹ thuật, thuộc loại đường phố nội bộ, khu đô thị dân cư, nhà ở.
 - Năng lực thiết kế: đường phố nội bộ khu dân cư nhà ở.
 - Cấp công trình: cấp III.
 - Cấp thiết kế: 20.
 - Vận tốc thiết kế: 20Km/h.
- ❖ **Tuyến H:**
 - Chiều dài tuyến từ giao đường số 1 đến giao đường số 23: L= 885,71m (Chiều dài tính từ mép đường số 1 đến mép đường số 23 là L= 871,89m).
 - Mặt cắt ngang đường quy hoạch:

$$4,75\text{m (VHT)} + 10,5\text{m (MĐ)} + 4,75\text{m (VHP)} = 20\text{m.}$$
- ❖ **Tuyến F:**
 - Chiều dài tuyến từ giao đường số 1 đến giao đường số 23: 900,13m (Chiều dài tính từ mép đường số 1 đến mép đường số 23 là L= 886,33m).
 - Chiều dài đoạn tuyến đã thi công mặt đường và một bên vỉa hè qua Công ty EDICO : L= 257,75m.
 - Mặt cắt ngang đường quy hoạch:

$$3,00\text{ (VHT)} + 8,00\text{ (MĐ)} + 3,00\text{ (VHP)} = 14\text{m.}$$

19. Độ dốc dọc thiết kế:

Độ dốc dọc thiết kế thấp dần theo hướng Bắc Nam, phù hợp với định hướng thoát nước mặt toàn khu theo quy hoạch. Độ dốc dọc các tuyến thiết kế như sau:

❖ Tuyến H:

- Độ dốc dọc lớn nhất $i = 0,47\%$.
- Độ dốc dọc nhỏ nhất $i = 0,30\%$.

❖ Tuyến F:

- Độ dốc dọc lớn nhất trên đường cũ $i = 0,81\%$.
- Độ dốc dọc lớn nhất trên đường làm mới $i = 0,42\%$.
- Độ dốc dọc nhỏ nhất $i = 0,17\%$.

20. Thiết kế mặt cắt ngang:

❖ Tuyến H:

- Bề rộng mặt đường : $5,25\text{m} \times 2 = 10,5\text{m}$.
- Vía hè : $4,75\text{m}$.
- Độ dốc ngang đường : $i_n = 2,00\%$ (dốc 2 mái).
- Độ dốc vĩa hè : $i_{vh} = 1,50\%$ (nghiêng về phía lòng đường).
- Mái dốc ta luy nền đắp : $1/1,5$.
- Mái dốc nền đào : $1/1$.

❖ Tuyến F:

- Bề rộng mặt đường : $8,00\text{m}$.
- Vía hè : $3,00\text{m}$.
- Độ dốc ngang đường : $i_n = 2,00\%$ (dốc 1 mái về bên phải).
- Độ dốc vĩa hè : $i_{vh} = 1,50\%$ (nghiêng về phía lòng đường).
- Mái dốc ta luy nền đắp : $1/1,5$.
- Mái dốc nền đào : $1/1$.

21. Phần nền đường:

- Cơ bản tận dụng nền đường đã san lấp, lu lèn đạt độ chặt theo yêu cầu để xây dựng mặt đường cấp cao bê tông nhựa.

- Các yêu cầu về độ chặt nền đường: Các yêu cầu về độ chặt nền đường tuân thủ Điều 13.5 của TCXDVN 104-2007 và Mục 2.5 của 22 TCN 211-06.

22. Kết cấu áo đường:

Tính toán cho mặt đường cấp cao A1 bê tông nhựa, $E_{yc} \geq 120\text{MPa}$, kết cấu mặt đường như sau:

- Bê tông nhựa nóng (BTNC9.5) dày 4cm, $K \geq 0,98$.

- Nhũ tương dính bảm (CSS1-h) tiêu chuẩn 0,5 Kg/m².
- Bê tông nhựa nóng (BTNC19) dày 6cm, $K \geq 0,98$.
- Nhựa thấm bảm (MC30 hoặc MC70) tiêu chuẩn 1,2 Kg/m².
- Cấp phối đá dăm loại I (lớp trên) dày 15cm, $K \geq 0,98$.
- Cấp phối đá dăm loại II (lớp dưới) dày 18cm, $K \geq 0,98$.
- Lớp đáy móng bằng đá mi dăm bụi (cấu tạo) dày 30cm, $K=0,98$, $E_o \geq 50$ Mpa.
- Đào và đắp lại khuôn nền đường đào bằng cát san lấp (tận dụng) dày 50cm, lu lèn $K \geq 0,95$.
- Vải địa kỹ thuật phân ly, cường độ chịu kéo đứt $R \geq 12$ kN.
- Lu lèn khuôn nền đào (dưới lớp móng cát 50cm) đạt độ chặt $K \geq 0,90$;
- Chiều rộng các lớp móng đường từ lớp móng cấu tạo bằng đá mi dăm bụi và cấp phối đá dăm các loại ra hết bên dưới móng bó vỉa vỉa hè, mái dốc kết cấu 1/1.

23. Cấu tạo bó vỉa, gờ chắn:

- Bó vỉa vỉa hè: Sử dụng bó vỉa bê tông đá 1x2 M.300 loại 6 (theo định hình của Sở GTVT TP.HCM ban hành theo quyết định số 1762/QĐ-SGTVT ngày 18/06/2009).
- Gờ chắn kết cấu vỉa hè bằng BTXM đá 1x2 M.200, kích thước 10x30cm.
- Móng bó vỉa, gờ chắn bằng bê tông lót đá 1x2 M150, dày 6cm.
- Tại các vị trí cho người tàn tật tiếp cận sử dụng và các vị trí hạ thấp vỉa hè tại các lối vào, sử dụng bó vỉa loại 7 bê tông đá 1x2 M.300 (theo định hình của Sở GTCC TP.HCM phê duyệt theo quyết định số 1762/QĐ-SGTVT ngày 18/6/2009).

24. Hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được bố trí khép kín trong Khu nhà ở Cán bộ - Giảng viên Đại học Quốc gia TP HCM theo quy hoạch định sẵn mà không thu nước từ bên ngoài.
- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa $\varnothing 600 \div \varnothing 1500$ bố trí một hoặc hai bên vỉa hè và băng đường.
- Chiều dài tuyến cống và khẩu độ cống chọn phù hợp với yêu cầu thoát nước của tuyến đường (xem bản vẽ bình đồ thoát nước).
- Trắc dọc cống:
 - + Công dọc thoát nước mưa được thiết kế theo dốc dọc đường, độ dốc cống tối thiểu như sau: $\varnothing 600$, $i = 0,17\%$; $\varnothing 800$, $i = 0,13\%$; $\varnothing 1000 \div \varnothing 1500$, $i = 0,1\%$.
 - + Độ sâu chôn cống (tính từ đỉnh cống) tối thiểu là 0,5m so với mặt vỉa hè và 0,8m so với mặt đường.
 - + Tất cả các cao độ hố ga, miệng vào, ra của cống, độ dốc được thể hiện chi tiết trên trắc dọc cống và bảng thống kê cao độ.
- Công tròn: sử dụng cống tròn bê tông cốt thép M.300, được chế tạo bằng công nghệ quay ly tâm kết hợp rung.

- + Cống băng đường : tải trọng H30 - XB80;
- + Cống vỉa hè: tải trọng H10-X60;
- Mỗi nối cống: joint cao su + trát vữa xi măng.
- Móng cống: BTCT đúc sẵn đá 1x2 M.200 đặt trên lớp bê tông lót đá 1x2 M.150, bên dưới là lớp cát nền đầm chặt $K \geq 0,90$. Phía dưới móng cống gia cố cừ tràm $\varnothing 8 \div \varnothing 10$ dài 4m mật độ 25 cây/m².
- Quy mô xây dựng hệ thống thoát nước như sau:

❖ **Đường H:**

+ Xây dựng 1749m cống;

Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 600$ (vỉa hè)	272,1 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 600$ (băng đường)	63,7 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 800$ (vỉa hè)	311,8 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 800$ (băng đường)	19,7 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 1000$ (vỉa hè)	93,8 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 1000$ (băng đường)	11,9 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 1200$ (vỉa hè)	827,3 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 1200$ (băng đường)	106,8 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 1500$ (vỉa hè)	29,9 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 1500$ (băng đường)	12,0 (m)

+ Xây dựng 88 hố ga.

❖ **Đường F:**

+ Xây dựng 929,8m cống;

Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 600$ (vỉa hè)	299,8 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 600$ (băng đường)	141,5 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 800$ (vỉa hè)	285,5 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 800$ (băng đường)	60,4 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 1000$ (vỉa hè)	57,1 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 1000$ (băng đường)	32,4 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 1200$ (vỉa hè)	7,7 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 1200$ (băng đường)	8,6 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 1500$ (vỉa hè)	30,8 (m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 1500$ (băng đường)	6,0 (m)

+ Xây dựng 56 hố ga.

25. Phần thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải được bố trí khép kín trong Khu nhà ở cán bộ, giảng viên ĐHQG-HCM theo quy hoạch định sẵn mà không thu nước từ bên ngoài.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước thải $\varnothing 300 \div \varnothing 500$ bố trí một hoặc hai bên vỉa hè.

- Trắc dọc cống:

+ Cống dọc thoát nước thải được thiết kế theo độ dốc cống tối thiểu như sau: $\varnothing 300$, $i = 0,33\%$; $\varnothing 400$, $i = 0,25\%$; $\varnothing 500$, $i = 0,20\%$.

+ Độ sâu chôn cống (tính từ đỉnh cống) tối thiểu là 0,5m so với mặt vỉa hè và 0,8m so với mặt đường.

+ Tất cả các cao độ hố ga, miệng vào, ra của cống, độ dốc được thể hiện chi tiết trên trắc dọc cống và bảng thống kê cao độ.

- Cống tròn: sử dụng cống tròn bê tông cốt thép M.300 được chế tạo bằng công nghệ quay ly tâm kết hợp rung.

+ Cống băng đường : tải trọng H-30; HK80;

+ Cống vỉa hè: tải trọng H-10;

- Mỗi nối cống: joint cao su + trát vữa xi măng.

- Móng cống: bê tông cốt thép đúc sẵn đá 1x2 M.200 đặt trên lớp bê tông lót đá 1x2 M.150, bên dưới là lớp cát nền đầm chặt $K \geq 0,90$. Phía dưới móng cống gia cố cừ tràm $\varnothing 8 \div \varnothing 10$ dài 4m mật độ 25 cây/m².

- Quy mô xây dựng hệ thống thoát nước như sau:

▪ Đường H:

+ Xây dựng 1334.6m cống;

Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 300$ (vỉa hè)	596,4	(m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 300$ (băng đường)	167,7	(m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 400$ (vỉa hè)	506,5	(m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 400$ (băng đường)	24,1	(m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 500$ (vỉa hè)	21,4	(m)
Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 500$ (băng đường)	18,5	(m)

+ Xây dựng 81 hầm ga.

▪ Đường F:

+ Xây dựng 949m cống;

Cống Bê tông cốt thép $\varnothing 300$ (vỉa hè)	722,0	(m)
--	-------	-----

Cống Bê tông cốt thép Ø300 (băng đường) 227,0 (m)

+ Xây dựng 73 hầm ga.

26. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

- Các quy chuẩn tiêu chuẩn được áp dụng theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.